

**ĐIỂM THU HOẠCH**  
**Lớp Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý Mặt trận Tổ quốc**  
**và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở khóa 06**

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Đàm Văn Ái	7,00	Bảy	24	Nông Ngọc Linh	8,00	Tám
2	Đinh Thị Vân Anh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	25	Nông Văn Luyện	7,00	Bảy
3	Đặng Văn Ấy	7,75	Bảy phẩy bảy năm	26	Đàm Thị Lý	8,50	Tám phẩy năm
4	Mã Văn Bảo	7,00	Bảy	27	Nông Văn Mạc	8,00	Tám
5	Sào Mùi Chàn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	28	Triệu Mùi Mui	8,50	Tám phẩy năm
6	Hoàng Văn Chiến	7,75	Bảy phẩy bảy năm	29	Nông Thị Trà My	9,00	Chín
7	Nông Văn Chung	7,00	Bảy	30	Nông Văn Ngôn	8,00	Tám
8	Nguyễn Văn Chuyên	8,00	Tám	31	Hoàng Mạnh Phú	8,00	Tám
9	Nông Thị Cúc	8,00	Tám	32	Đinh Văn Phương	8,00	Tám
10	Lữ Văn Đạt	8,25	Tám phẩy hai năm	33	Nguyễn Ngọc Phượng	7,00	Bảy
11	Lê Anh Dũng	9,00	Chín	34	Lục Văn Sáy	7,00	Bảy
12	Lâm Văn Đường	7,00	Bảy	35	Hoàng Văn Sur	7,00	Bảy
13	Nông Thị Duyên	7,00	Bảy	36	Nông Văn Thắng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
14	Vương Đình Hà	7,00	Bảy	37	Bàn Văn Thắng	8,50	Tám phẩy năm
15	Lương Văn Hiệp	7,00	Bảy	38	Điều Thị Thiện	8,50	Tám phẩy năm
16	Hoàng Văn Hiệp	8,50	Tám phẩy năm	39	Mạc Văn Toàn	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Phan Văn Hiếu	8,50	Tám phẩy năm	40	Lăng Văn Trường	8,50	Tám phẩy năm
18	Mông Thị Hiếu	8,50	Tám phẩy năm	41	Triệu Văn Tuấn	7,00	Bảy
19	Nông Văn Hiệu	7,25	Bảy phẩy hai năm	42	Nông Văn Trà	7,00	Bảy

*ĐHK*

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
20	Lý Quế Hương	9,00	Chín	43	Lý Thị Vinh	9,00	Chín
21	Phan Thị Lành	8,50	Tám phẩy năm	44	Đinh Thuý Vui	9,00	Chín
22	Dương Thị Len	9,00	Chín	45	Bàn Hữu Xuân	8,50	Tám phẩy năm
23	Tô Thị Liên	8,50	Tám phẩy năm				

**GHI ĐIỂM**



**Đoàn Thị Kim Liên**

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO,  
BỒI DƯỠNG VÀ NCKH  
TRƯỜNG PHÒNG**



**Đoàn Thị Vân Thúy**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Hoàng Việt Hưng**